

Bản án số: 153/2018/DS-PT.
Ngày: 20/9/2018
V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hương
Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: đường D, phường Đ, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Đường Văn T** - Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Duy H**, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp E, xã G, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị T.

(Ông P, bà T, Luật sư T có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:** Ngày 25/4/2016, anh P đến tiệm cầm đồ Hồng T do bà Phạm Thị T làm chủ, tại số 603 đường D, phường Đ, thành phố C, tỉnh Kiên Giang mua một chiếc xe Airblade biển số 68T1-23570 đã qua sử dụng với giá 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) và trả đủ bằng tiền mặt. Sau khi đem xe về sử dụng, anh P phát hiện chiếc xe nêu trên có giấy đăng ký xe là giả, anh P đem xe trả lại cho bà T và yêu cầu được nhận lại toàn bộ số tiền mua xe nhưng bà T không đồng ý. Do đó, anh P đến Cơ quan điều tra Công an thành phố C giao nộp chiếc xe và các giấy tờ kèm theo để Cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho anh số tiền mua xe là 29.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- **Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:** Bà thừa nhận có bán cho anh Nguyễn Thanh P một chiếc xe mô tô như anh P trình bày. Chiếc xe nêu trên do một người tên Trần Xuân H1 mang đến cầm cho bà, hết thời hạn 30 ngày không chuộc lại nên bà bán cho anh P. Sau khi bán xe khoảng 10 ngày thì anh P đem xe đến báo cho bà biết chiếc xe anh P mua của bà có giấy đăng ký xe giả và yêu cầu bà T trả lại tiền cho anh P. Do không biết chiếc xe có giấy tờ giả nên bà nhận cầm và bán lại cho anh P, bà T có thiện chí thỏa thuận nhưng anh P không đồng ý. Bà T không xác được họ tên thật, nơi cư trú của người đến cầm xe cho bà. Bà T xác định bà kinh doanh với hình thức hộ kinh doanh cá thể tên Hồng T và cơ sở kinh doanh là của cá nhân bà, nhưng đã ngưng hoạt động và có thông báo cho cơ quan thuế về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thừa nhận giấy mua bán xe ngày 25/4/2016 là do bà lập, có chữ ký của bà và anh P; tuy nhiên bà T không đồng ý trả tiền mua bán xe theo yêu cầu của anh P vì cho rằng bà không vi phạm nghĩa vụ của bên bán, do bà không biết chiếc xe có giấy tờ giả nên mới bán cho anh P. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H trình bày:**

Vào ngày 08/02/2016 ông H có mất một chiếc xe Honda Airblade màu vàng - đen, có số khung RLHJF4608DY326475, số máy JF46E420830, biển kiểm soát 60B8-43483. Đến ngày 03/12/2016 ông H được Công an thành phố C, tỉnh Kiên Giang trả lại chiếc xe bị mất. Ông H không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P về tranh chấp hợp đồng mua bán với bị đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Thanh P số tiền mua bán xe là 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 29/5/2018 bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc bà trả đủ số tiền cho anh P là 29.000.000 đồng bà thấy không công bằng, lẽ ra anh P phải chia sẻ thiệt hại với bà 50%.

Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xét xử theo hướng bà T trả cho anh P số tiền 14.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án sửa án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn anh P chia sẻ thiệt hại 50% thiệt hại của chiếc xe Airblade, bà đồng ý trả cho anh P số tiền 14.500.000đ. Do bà và anh P có cùng thiếu sót là không phát hiện giấy đăng ký xe giả nên cùng phải chịu thiệt hại. Bà xác định bà có quyền bán xe Airblade biển số 68T1-23570 cho anh P do người cầm xe là ông Trần Xuân H1 không đến chuộc khi quá hạn.

Nguyên đơn anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả cho anh số tiền mua xe là 29.000.000đ. Không đồng ý chia sẻ thiệt hại 50% số tiền mua xe theo yêu cầu của bà T. Do bà T là người bán xe đã thỏa thuận trong giấy mua bán nếu giấy đăng ký xe không đúng pháp luật thì hoàn trả đủ tiền cho người mua. Anh P không đồng ý có thiếu sót hay có lỗi khi không phát hiện giấy đăng ký xe giả khi mua xe. Chấp nhận cho điều tra lại nếu Luật sư bảo vệ cho bà T cho rằng chưa làm rõ chủ sở hữu xe và giấy đăng ký xe là giả.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Đường Văn T trình bày ý kiến:

Cần phải làm rõ xe này có phải là xe có giấy đăng ký giả hay không. Theo bản khai của ông H thì ngày trả xe trước ngày mất xe, số khung số máy xe khai cũng không khớp, không có giấy chứng nhận xe hợp pháp của ông H khi xe chưa mất, ông H không có giấy có mất xe. Công an trả cho ông H chưa chắc đã đúng chủ sở hữu do không có giấy đăng ký xe. Giấy đăng ký xe được giám định là phôi giấy giả, chưa xác định có do Công an huyện T phát hành hay không. Ông H1 cầm xe cho bà T có giấy chứng minh nhân dân, chưa được đối chứng giữa ông H với ông H1 ai là chủ sở hữu xe hợp pháp, có thể do ông H1 đi làm ăn xa nên quá hạn chưa chuộc. Do vậy anh P xác định giấy đăng ký xe giả thì chưa chắc là giả. Công an không mời bà T có mặt khi trả xe cho ông H. Hồ sơ vụ án chưa thể hiện giấy đăng ký xe là giả, cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong thu thập chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm xác minh lại chứng cứ để xác định lại giấy đăng ký xe và chủ xe nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà T. Nếu anh P thương lượng chịu chia sẻ thiệt hại 50% theo ý kiến bà T thì tranh chấp được chấm dứt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: các đương sự, thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Bà T ông P thống nhất thời gian, giá tiền, giao nhận tiền và xe và nguyên nhân tranh chấp sau khi mua bán xe. Theo Kết luận của Công an Tỉnh và công văn của Công an C xác định giấy đăng ký xe bà T bán cho anh P là giả. Bà T vi phạm nghĩa vụ bên bán theo thỏa thuận tại giấy mua bán xe ngày 25/4/2016 là giấy tờ không đúng pháp luật thì người bán trả lại số tiền cho người mua. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Duy H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập phiên tòa và có đơn xin xét xử phúc thẩm vắng mặt hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử phúc thẩm vắng ông Nguyễn Duy H.

[2]. Về nội dung tranh chấp anh P và bà T thống nhất vào ngày 25/4/2016 bà T là chủ hộ kinh doanh Hồng T có bán cho anh P một chiếc xe mô tô hiệu Airblade, biển số kiểm soát 86T1-23570 với giá 29.000.000đ, anh P đã trả đủ tiền. Nguồn gốc chiếc xe do ông Trần Xuân H1 cầm cho bà T, đến hạn ông H1 không đến trả tiền và nhận lại xe. Sau khi đem xe về sử dụng thì anh P phát hiện giấy đăng ký xe là giả nên anh P đem xe trả cho bà T và yêu cầu bà T trả lại tiền mua xe, bà T không đồng ý nên anh P đem chiếc xe và giấy tờ liên quan giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C. Đồng thời anh P khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền mua xe là 29.000.000đ.

[3]. Xét kháng cáo của bà T yêu cầu anh P chia sẻ thiệt hại với bà T 50% giá trị chiếc xe Airblade là 14.500.000đ do anh P cũng có thiếu sót là không biết giấy đăng ký xe là giả khi mua, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy mua bán xe giữa bà T và anh P ngày 25/4/2016, nội dung bà T bán cho anh P chiếc xe hiệu Airblade, biển số 68T1-23570 với số tiền 29.000.000đ, trong Giấy mua bán xe có thể hiện nội dung “nếu có tranh chấp hoặc giấy tờ không đúng pháp luật, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và trả lại đủ số tiền đã bán cho người mua”.

Xét thấy tại Điều 440, Điều 443 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Bên bán có nghĩa vụ bảo đảm quyền sở hữu đối với tài sản đã bán cho bên mua và phải chịu rủi ro đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký. Theo Công văn số 148/CV-CA ngày 10/4/2017 của Công an thành phố C xác định chiếc xe hiệu Airblade, biển số 68T1-23570 có giấy đăng ký xe tên Trần Xuân H1, cấp ngày 26/3/2015 là giả,

chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Duy H, bị mất trộm ngày 08/2/2016 tại địa bàn xã H, K, Đồng Nai. Ngày 03/12/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Duy H.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bà T cho rằng bà và anh P đều có thiếu sót vì không biết xe có giấy tờ giả nên yêu cầu anh P chia sẻ thiệt hại 50% giá trị chiếc xe Airblade đã bán cho anh P. Xét thấy khi giao dịch mua bán chiếc xe trên thì giữa anh P và bà T không có thỏa thuận về việc người mua phải chia sẻ 50% giá trị chiếc xe trong trường hợp giấy đăng ký chủ sở hữu không hợp pháp xảy ra tranh chấp, đồng thời pháp luật cũng không quy định trong trường hợp mua bán tài sản nếu giấy đăng ký quyền sở hữu tài sản bán không hợp lệ thì người mua phải chia sẻ thiệt hại với người bán.

Ngoài ra xét thấy tại bản khai của ông Nguyễn Duy H (BL 73) nội dung không thể hiện rõ ràng mất xe trước ngày trả xe; nội dung không mâu thuẫn ngày tháng trả xe, số khung số máy tuy ghi không trùng khớp nhưng đã có kết luận của Công an là Giấy đăng ký xe không hợp pháp. Việc trả xe cho ông H ngày 03/12/2016 nếu có căn cứ không đúng pháp luật thì bà T có quyền khiếu nại Công an thành phố C theo quy định pháp luật. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T về việc buộc anh P chia sẻ thiệt hại 50% với số tiền 14.500.000đ.

Đối với phần quyết định của Bản án sơ thẩm áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án và quy định Bộ luật Dân sự 2015 là chưa phù hợp, do vụ án được thụ lý sơ thẩm trước ngày 01/01/2017. Tuy nhiên số tiền án phí các đương sự phải nộp không thay đổi, do vậy cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong áp dụng pháp luật.

Qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và quan điểm đề nghị của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Giữ y bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 29.000.000 đồng x 5% = 1.450.000 đồng.

Nguyên đơn anh P không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại 725.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của cơ quan thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà T phải chịu án phí 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 428,429,437,440,443 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T.

- Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn bà Phạm Thị T.

- Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thanh P số tiền mua xe Airblade biển số 68T1-23570 là 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả số nợ trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 29.000.000 đồng x 5% = 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn anh P không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại 725.000 (bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008646 ngày 08/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà T phải chịu án phí 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004745 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Hương

